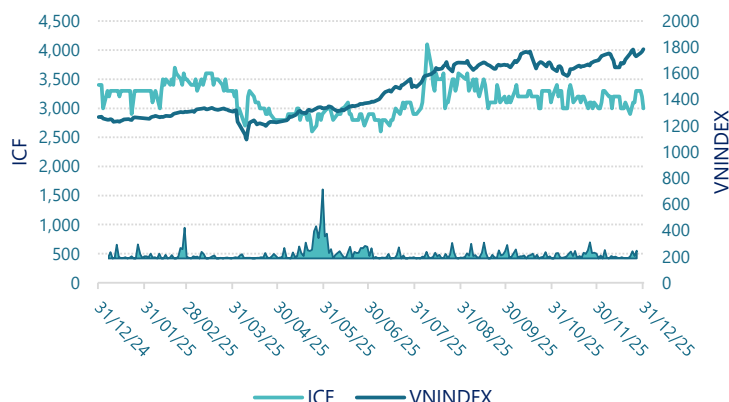


CTCP Đầu tư - Thương mại - Thủy Sản (UPCOM: ICF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
SL cổ phiếu LH	12,807,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,330
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	38
P/E	-16.0
EPS	-188

DT thuần

Q4/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10 | -0.5%

YoY: ▼59.3 | -84.9%

LN sau thuế

Q4/25

-1.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.16 | -318%

YoY: ▼6.98 | -127%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-2.2%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần

2025

43.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.40 | -5.4%

LN sau thuế

2025

-2.41

tỷ VNĐ

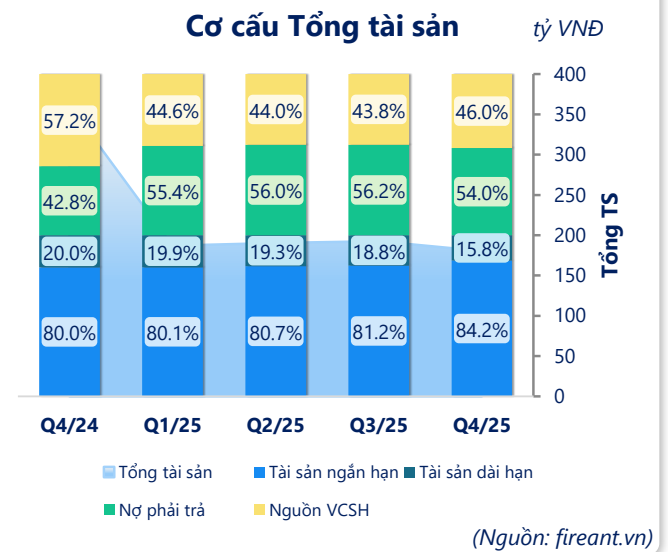
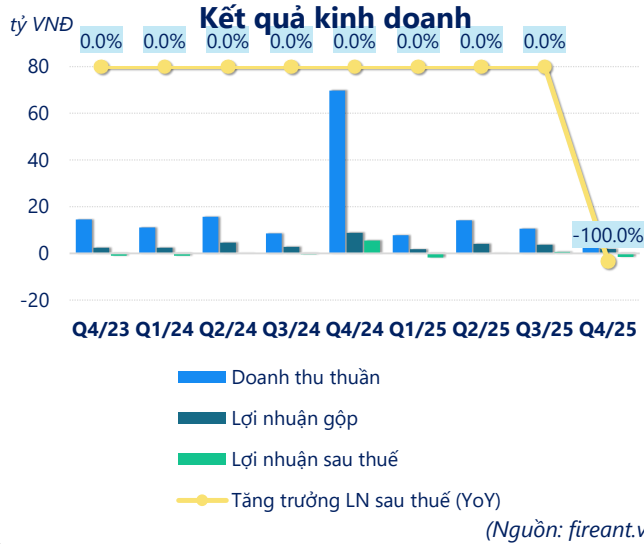
YoY: ▼2.69 | -964%

ROE

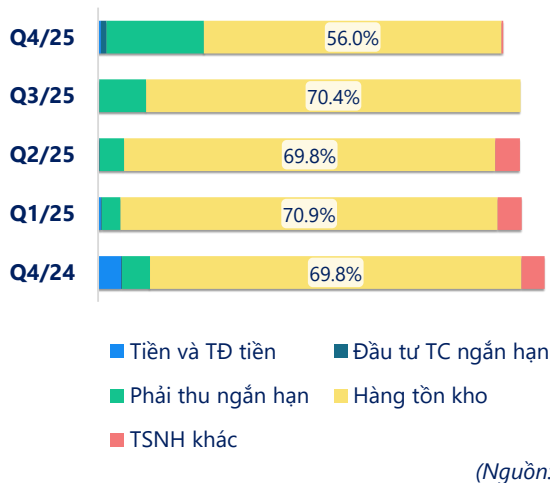
2025

-2.9%

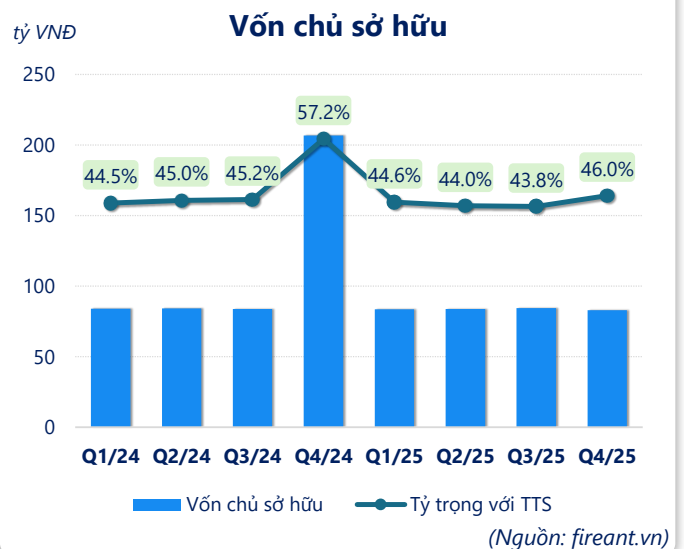
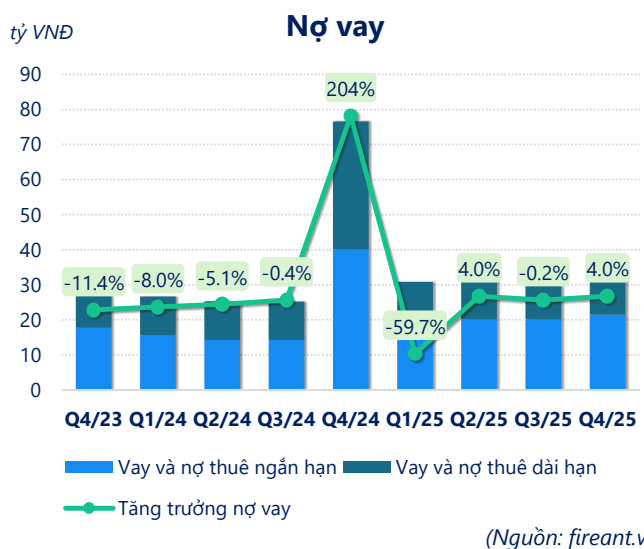
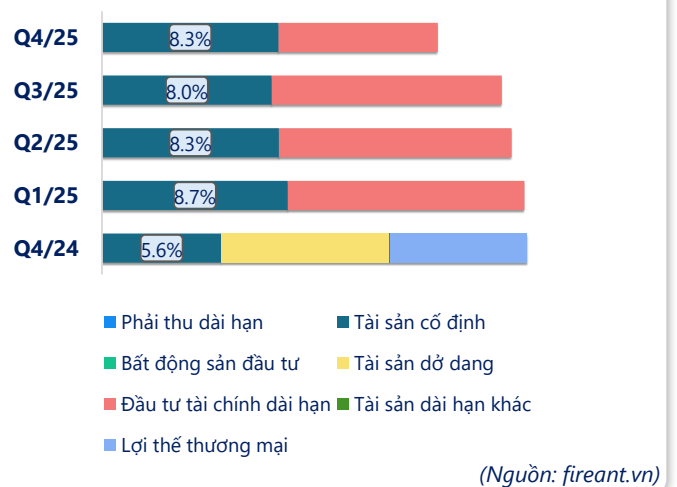
+/- YoY: ▼ 3.2%



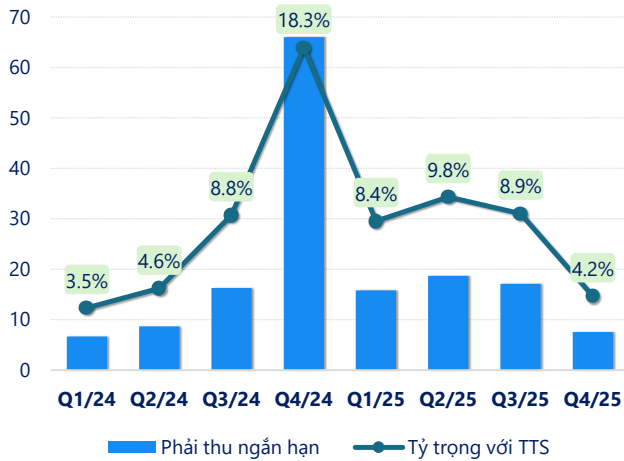
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

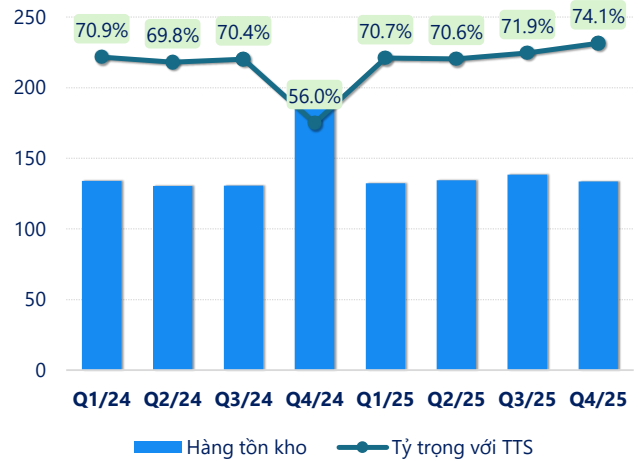


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


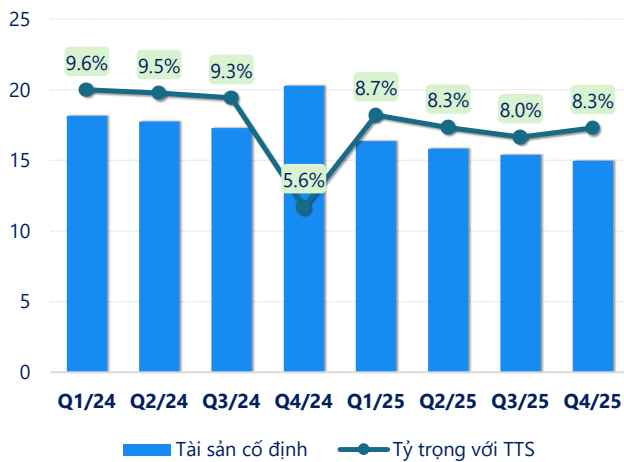
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


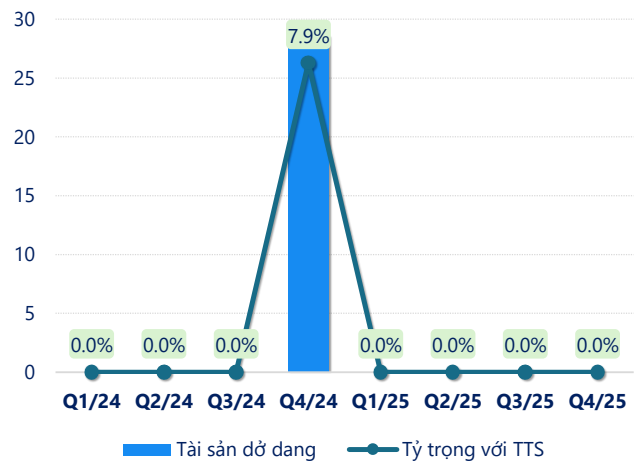
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

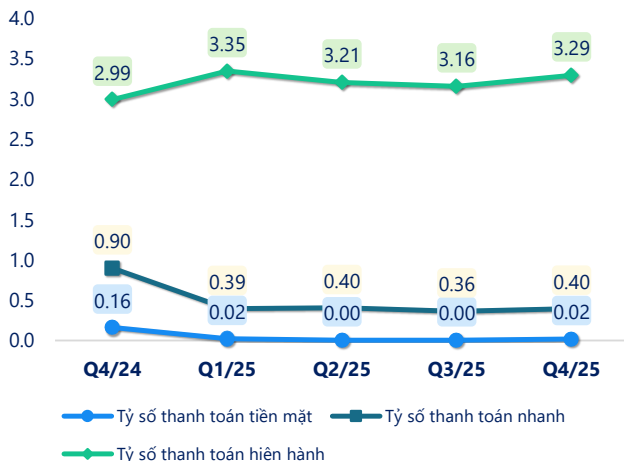
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

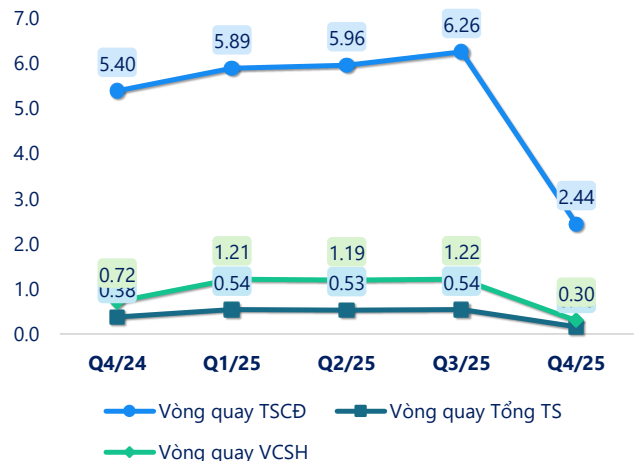
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	361	187	190	193	180
Tài sản ngắn hạn	289	150	154	156	152
Tiền và tương đương tiền	15.6	0.97	0.20	0.18	0.90
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	0.27	0.23	0.23	0.32
Phải thu ngắn hạn	66.0	15.8	18.7	17.1	7.56
Hàng tồn kho	202	132	134	138	133
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	0.61	0.30	0.47	9.50
Tài sản dài hạn	72.2	37.2	36.7	36.2	28.5
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	20.3	16.4	15.8	15.4	15.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	28.5	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	20.8	20.8	20.8	13.5
Tài sản dài hạn khác	0.21	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	23.2	0	0	0	0
Nợ phải trả	155	104	107	108	97.3
Nợ ngắn hạn	96.6	44.8	47.9	49.5	46.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.1	18.8	20.1	20.1	21.5
Phải trả người bán ngắn hạn	26.6	10.5	11.7	11.8	9.54
Nợ dài hạn	57.9	58.8	58.8	58.7	51.3
Vay và nợ thuê dài hạn	36.5	12.0	11.9	11.9	11.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	207	83.6	83.7	84.4	82.9
Vốn chủ sở hữu	207	83.6	83.7	84.4	82.9
Vốn điều lệ	196	128	128	128	128
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)